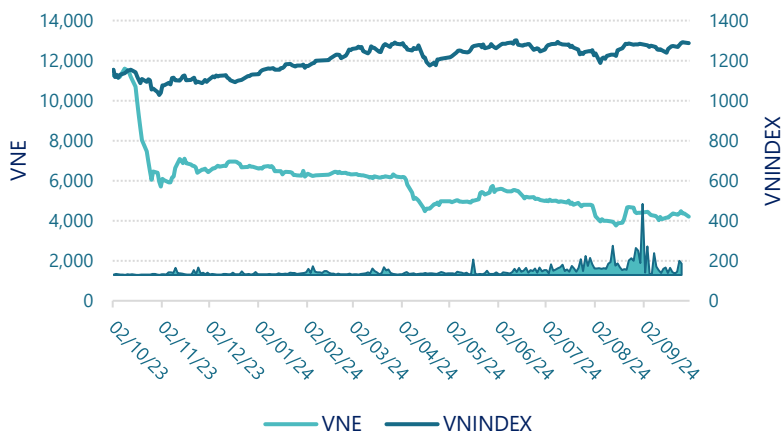




Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam (HSX: VNE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	4,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,760
SL cổ phiếu LH	82,055,233
KLGD BQ 20 phiên (CP)	77,230
% sở hữu nước ngoài	2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	345
P/E	-3.7
EPS	-1,127

DT thuần

Q3/24

164

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 17.0 | 11.7%

YoY: ▼ 8.00 | -4.6%

LN sau thuế

Q3/24

-33.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 39.3 | 54.2%

YoY: ▼ 33.2 | -55316%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

2.3%

+/- YoY: ▼ 13.5%

DT thuần

9T 2024

476

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 171 | -26.5%

LN sau thuế

9T 2024

-104

tỷ VNĐ

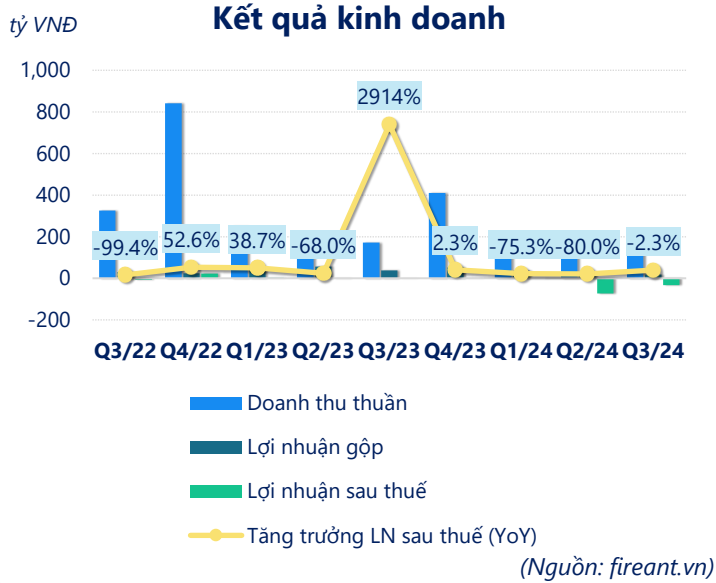
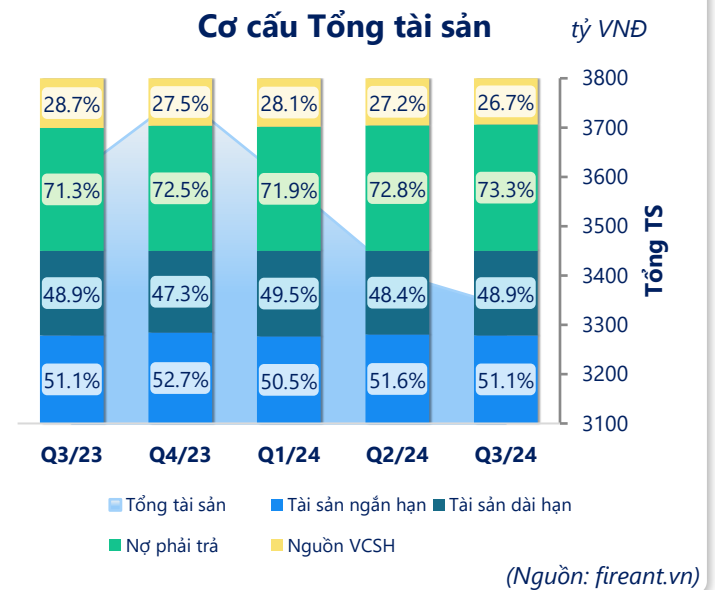
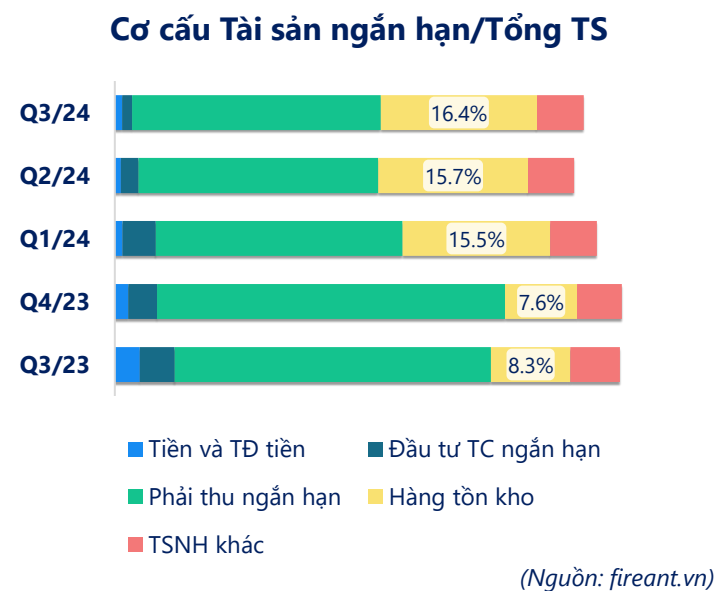
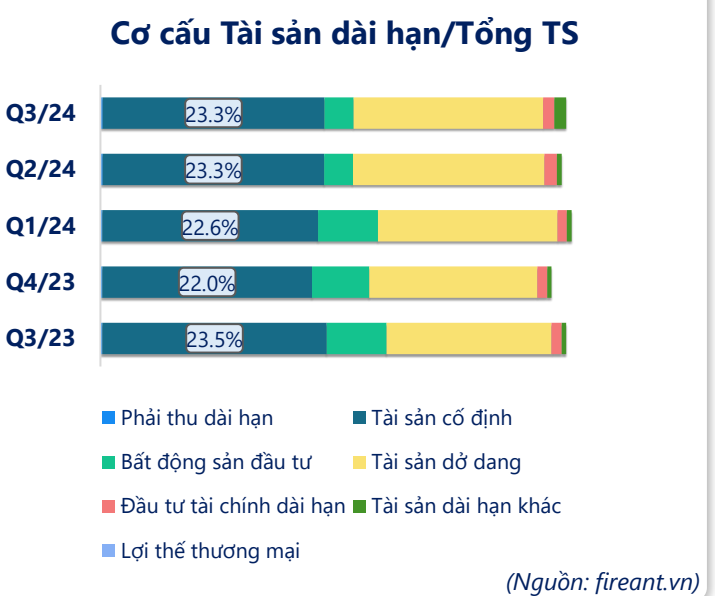
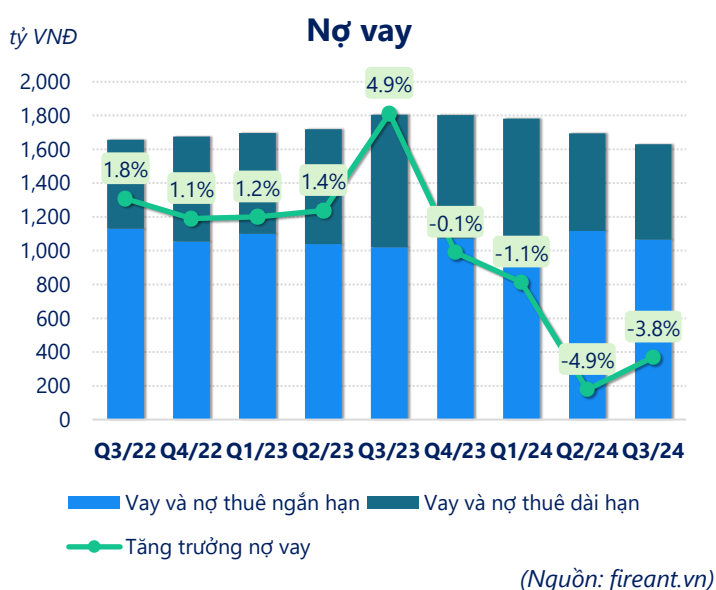
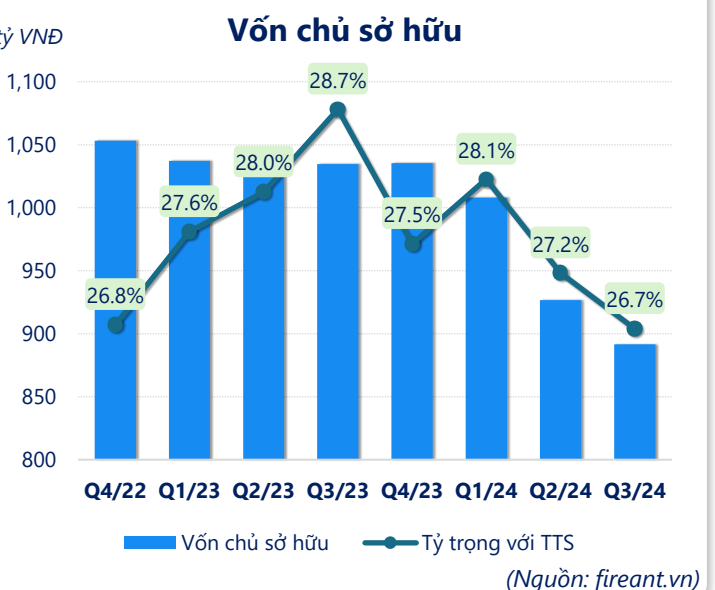
YoY: ▼ 105 | -18373%

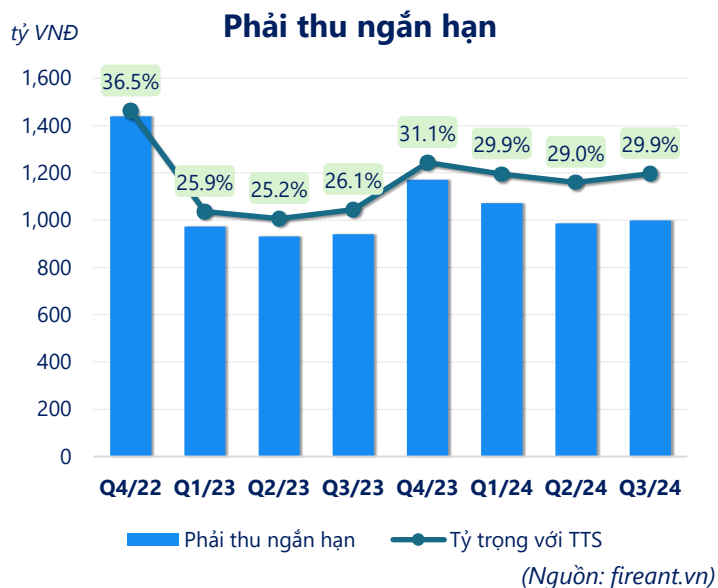
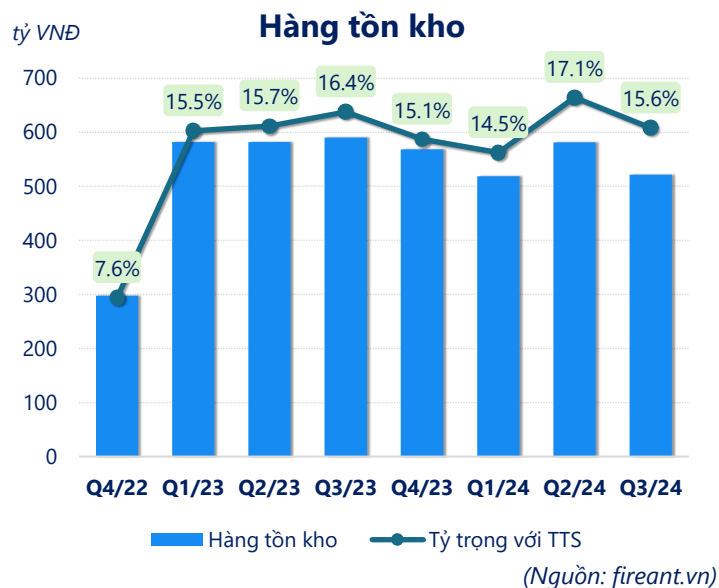
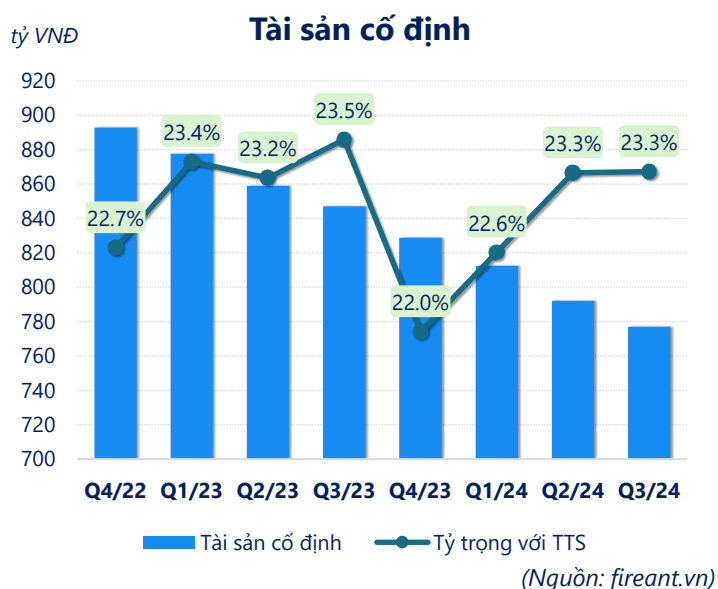
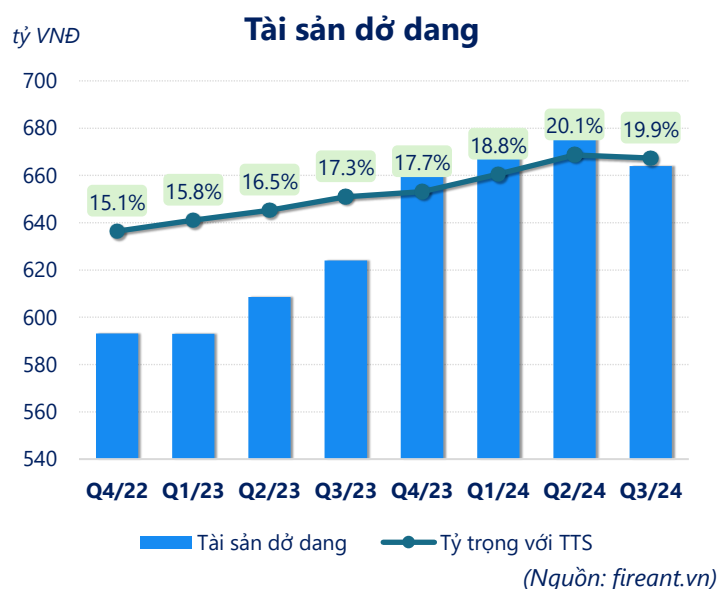
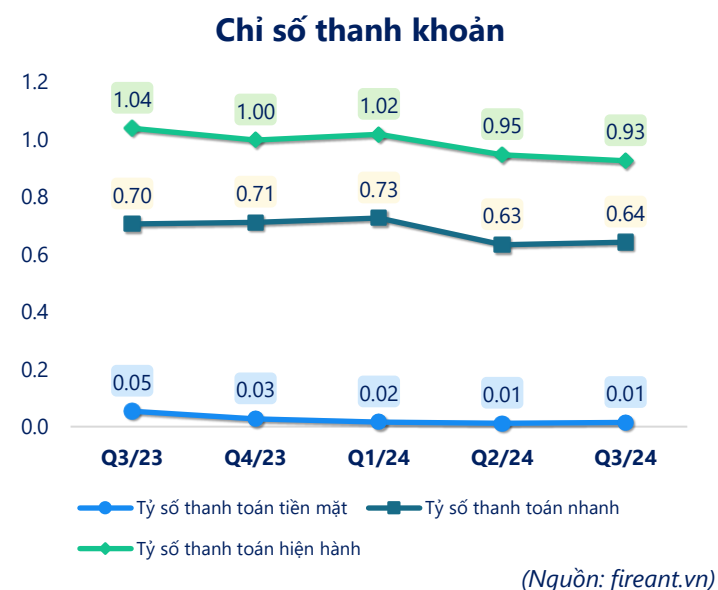
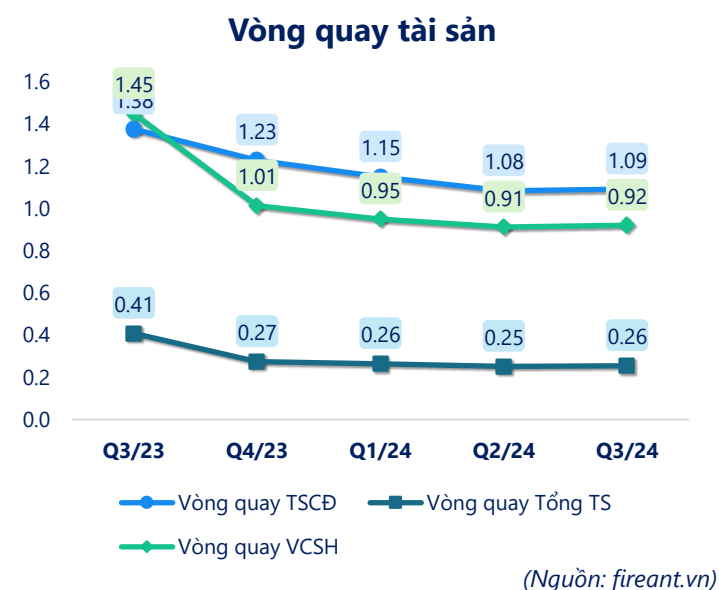
ROE

Q3/24

-9.6%

+/- YoY: ▼ 12.4%





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	3,599	3,765	3,588	3,403	3,338
Tài sản ngắn hạn	1,839	1,982	1,813	1,755	1,706
Tiền và tương đương tiền	94.8	53.5	28.9	21.6	26.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.9	21.9	24.1	9.52	10.1
Phải thu ngắn hạn	940	1,170	1,072	987	998
Hàng tồn kho	590	568	519	582	522
Tài sản ngắn hạn khác	176	168	169	156	150
Tài sản dài hạn	1,760	1,782	1,775	1,648	1,632
Phải thu dài hạn	7.66	7.66	7.47	7.69	7.74
Tài sản cố định	847	829	812	792	777
Bất động sản đầu tư	226	226	226	102	102
Tài sản dở dang	624	665	676	684	664
Đầu tư tài chính dài hạn	38.8	38.6	35.8	45.3	40.0
Tài sản dài hạn khác	16.7	16.0	17.4	16.7	41.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,564	2,730	2,580	2,477	2,446
Nợ ngắn hạn	1,771	1,988	1,783	1,855	1,844
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,021	1,072	1,031	1,117	1,066
Phải trả người bán ngắn hạn	306	472	349	282	322
Nợ dài hạn	793	742	797	622	602
Vay và nợ thuê dài hạn	783	731	752	577	564
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,035	1,035	1,008	927	892
Vốn chủ sở hữu	1,035	1,035	1,008	927	892
Vốn điều lệ	904	904	904	904	904
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)